

Bản án số: 02/2018/HS-ST

Ngày 10-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Nô;

Ông Võ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lê – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 138/2017/HSST ngày 09 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2017/HSST-QĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Nam D(tên gọi khác Tuấn), sinh năm 1983, tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn 6, xã Đ Ch, huyện M Đ, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: Tổ 16, khu phố Tân Phước, phường T B, thị xã D A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/4/2009, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 126/2009/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/6/2009; ngày 14/9/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xử phạt 08 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 03 năm 03 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em”, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 03 năm 11 tháng tù, bị cáo chấp hành hình phạt tù ngày 11/01/2017 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Lê Minh H, sinh năm 1981; hộ khẩu thường trú: Số 90, ấp An Ninh, xã Đ A, huyện L V, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay: Tổ 5, khu phố B Đ, phường Th H, thị xã T U, tỉnh Bình Dương; có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn T, sinh năm 1983; chỗ ở hiện nay: Khu phố M H, phường Th H, thị xã T U, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Nam D và Lê Minh H có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau. Cùng tạm trú tại khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị Kim H. Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 25/10/2016, H điều khiển xe mô tô biển số 66N5-1367 đi làm về dựng xe trước cửa phòng trọ số 2, đầu xe quay vào trong đuôi xe hướng ra ngoài, sau đó H vào phòng trọ để ngủ. Đến khoảng 12 giờ 30 phút, D từ phòng trọ số 5 đến phòng trọ số 2 của H để ăn cơm cùng với H. Khi đến phòng trọ của H, D nhìn thấy H đang ngủ, xung quanh không có ai nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 66N5-1367 để bán lấy tiền tiêu xài. D đi vào phòng trọ của H nhìn thấy cái bóp của H để bên cạnh tivi, D biết H để giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66N5-1367 bên trong bóp nên mở bóp lấy giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66N5-1367 và để cái bóp vào vị trí cũ. D tiếp tục quan sát xung quanh phòng trọ, thì nhìn thấy chìa khóa xe đang treo bên cạnh cửa ra vào phòng trọ nên lấy chìa khóa xe 66N5-1367. Sau đó, D đẩy xe mô tô biển số 66N5-1367 ra trước khu nhà trọ, cắm chìa khóa xe vào ổ khóa xe, khởi động nổ máy xe 66N5-1367 chạy đi tìm nơi tiêu thụ. D điều khiển xe chạy khoảng 02 km thì nhìn thấy tiệm sửa xe Linh Chi thuộc khu phố Mỹ Hiệp, phường Thái Hòa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương do Trần Văn T làm chủ, D dừng xe trước cửa tiệm, đi vào bên trong gặp ông T để thỏa thuận bán xe 66N5-1367. Ông T yêu cầu D dẫn xe 66N5-1367 vào bên trong tiệm để ông T kiểm tra xe. Sau khi kiểm tra xe xong ông T nói xe đã cũ nên chỉ mua với số tiền là 1.700.000 đồng, D đồng ý bán với giá 1.700.000 đồng. Ông T yêu cầu D giao giấy tờ xe 66N5-1367, D mở cốp xe lấy giấy chứng nhận đăng ký xe đưa cho ông T xem, đồng thời ông T yêu cầu D cho xem chứng minh nhân dân. D lấy chứng minh nhân dân bản chính và bản phô mang tên Đặng Văn H để cho ông T xem, ông T giữ lại bản photo chứng minh nhân dân mang tên Đặng Văn H. Sau khi bán được xe, D đến khu vực thị xã Dĩ An sống lang thang và tiêu xài hết số tiền D đã bán xe của H.

Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, ông H thức dậy phát hiện xe mô tô biển số 66N5-1367 bị mất nên đi tìm và phát hiện xe mô tô 66N5-1367 đang ở tiệm sửa xe của ông Trần Văn T nên đến Công an phường Thái Hòa trình báo sự việc mất tài sản. Công an phường Thái Hòa tiến hành tạm giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu Some, màu đen xám biển số 66N5-1367 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 66N5-1367; 01 chứng minh nhân dân photo mang tên Đặng Văn H (do ông Trần Văn T giao nộp).

Công an phường Thái Hòa lập hồ sơ ban đầu chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên để giải quyết theo thẩm quyền.

Trần Nam D khai: Vào ngày 16/8/2016, D đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe của mô tô biển số 66H1-0552 của ông Đặng Văn H tại khu phố Châu Thới, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, trong cốp xe có chứng minh nhân dân của ông H, do chứng minh của D bị mất nên D tháo hình của ông H ra và dán hình của D vào chứng minh nhân dân của ông H mang đi photo và sử dụng để mang xe 66H1-0552 của ông H đi bán.

Ngày 08/01/2017, Trần Nam D có hành vi giao cầu với trẻ em tại khu nghĩa địa Triều Châu thuộc khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ngày 11/01/2017, D đến phường Tân Bình, thị xã Dĩ An để đầu thú về hành vi giao cầu với trẻ em. Ngày 19/01/2017, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với D về hành vi “Giao cầu với trẻ em”. Ngày 27/02/2017, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An ra Quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can Trần Nam D về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Quá trình điều tra D khai nhận hành vi chiếm đoạt xe xe mô tô biển số 66N5-1367 của ông H tại địa bàn thị xã Tân Uyên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên biết để thu thập chứng cứ, xử lý hành vi của D chiếm đoạt tài sản của ông H.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 149/KLTS-TTHS ngày 16/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân thị xã Tân Uyên kết luận: Xe mô tô hiệu Some, kiểu dáng Wave Trung Quốc, màu đen xám, biển số 66N5-1367, đã qua sử dụng có giá trị 3.000.000 đồng.

Xe mô tô biển số 66N5-1367, nhãn hiệu Some, kiểu dáng Wave Trung Quốc, màu đen xám, số khung 23582; số máy 23582 do ông Nguyễn Văn Minh đứng tên đăng ký xe. Năm 2014, ông Minh bán xe này cho ông Trương Văn T. Năm 2016, ông T bán xe này cho ông Lê Minh H, việc mua bán không làm thủ tục sang tên theo quy định. Ngày 11/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 132/QĐ trả lại xe mô tô trên cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho ông H, ông H không yêu cầu gì khác.

Việc ông Trần Văn T mua xe mô tô biển số 66N5- 1367 do Trần Nam D mang đến bán. Quá trình điều tra xác định, ông T không biết đây là tài sản do D phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên không xem xét xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn T không yêu cầu Trần Nam D phải bồi thường đối với số tiền 1.700.000 đồng mà ông T đã mua xe mô tô biển số 66N5-1367.

Bản cáo trạng số 140/QĐ-KSĐT ngày 06/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trần Nam D về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng và xác định sau khi phạm tội bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 138, điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Nam D mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 03 năm 11 tháng tù tại bản án hình sự số 242/2017/HSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm 08 tháng tù đến 04 năm 11 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Nam D khai nhận hình vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt phù hợp cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Trần Nam D tại phiên tòa khai nhận phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo trước sau thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng như tang vật chứng thu giữ trong vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 25/10/2016, bị cáo Trần Nam D đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Lê Minh H trong việc quản lý tài sản đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt một xe mô tô biển

số 66N5-1367, có giá trị 3.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì tư lợi nên bị cáo vẫn cố ý phạm tội và mong muốn chiếm đoạt được tài sản của người bị hại. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu nên khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc đối với nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Do bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Bản án hình sự số 242/2017/HSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên Hội đồng xét xử phải tổng hợp hình phạt của bản án mới và hình phạt tại Bản án hình sự số 242/2017/HSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Không có.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 51 Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Nam D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Nam D 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm 11 tháng tù tại Bản án hình sự số 242/2017/HSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

3. Về xử lý vật chứng: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Nam D phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết